

Phát triển giáo dục đại học ngoài công lập toàn cầu - Bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam

Trần Văn Hùng

Email: tranvanhung@duytan.edu.vn
Trường Đại học Duy Tân
Số 254 Nguyễn Văn Linh,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

TÓM TẮT: Sự phát triển của giáo dục đại học ngoài công lập là một xu thế tất yếu trong phát triển giáo dục trên thế giới. Giáo dục đại học ngoài công lập toàn cầu có quy mô sinh viên chiếm khoảng 1/3 tổng số sinh viên và đã có nhiều đóng góp quan trọng vào sự phát triển của giáo dục toàn cầu. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, bên cạnh những mặt mạnh và những yếu tố tích cực thì loại hình giáo dục đại học này ở từng khu vực, quốc gia trên thế giới cũng bộc lộ nhiều tồn tại, hạn chế và một số khuynh hướng phát triển tiêu cực. Bài viết này nghiên cứu và sử dụng những kết quả đánh giá chính của UNESCO năm 2021 về giáo dục đại học ngoài công lập toàn cầu, nghiên cứu thực trạng phát triển của giáo dục đại học tư thục Việt Nam, từ đó rút ra năm bài học kinh nghiệm đối với phát triển giáo dục đại học tư thục của Việt Nam.

TỪ KHÓA: Giáo dục đại học ngoài công lập, giáo dục đại học tư thục.

→ Nhận bài 23/10/2022 → Nhận bài đã chỉnh sửa 21/11/2022 → Duyệt đăng 15/01/2023.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12310101>

1. Đặt vấn đề

Phát triển của giáo dục đại học ngoài công lập trở thành là một xu thế tất yếu trong nhiều thập kỉ qua trên thế giới. Đến nay, giáo dục đại học ngoài công lập toàn cầu có quy mô sinh viên chiếm khoảng 1/3 tổng số sinh viên. Đặc biệt, ở một số quốc gia, tỉ lệ sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập chiếm đa số. Nhiều cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập có vị trí xếp hạng hàng đầu trong các bảng xếp hạng giáo dục đại học có uy tín trên thế giới. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, giáo dục đại học ngoài công lập toàn cầu đã bộc lộ nhiều tồn tại và hạn chế, tạo ra nguy cơ giảm cả về quy mô và chất lượng.

Giáo dục đại học ngoài công lập của Việt Nam sau năm 1975 được hình thành và phát triển kể từ những năm 1990 với sự ra đời của các trường đại học dân lập. Đến năm 2005, mô hình đại học tư thục chính thức được pháp lí hoá. Giáo dục đại học ngoài công lập đã có những đóng góp không nhỏ cho sự phát triển và hội nhập của đất nước nói chung, của hệ thống giáo dục đại học nói riêng. Tuy nhiên, giáo dục đại học tư thục của Việt Nam hiện còn những hạn chế nhất định như quy mô sinh viên còn thấp, một số trường chưa đáp ứng được nhu cầu học tập của người học, đồng thời bộc lộ một vài xu hướng phát triển không tích cực. Do đó, cần thiết phải nghiên cứu để tìm ra và áp dụng những bài học kinh nghiệm từ sự phát triển của giáo dục đại học ngoài công lập toàn cầu nhằm phát triển giáo dục đại học tư thục Việt Nam, vừa đảm bảo phù hợp với xu thế phát triển giáo dục đại học ngoài công lập toàn cầu vừa phù hợp với thực tiễn của đất nước.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả sử dụng bốn phương pháp nghiên cứu chính gồm: 1) Phương pháp phân tích và tổng hợp lí thuyết để nghiên cứu, phân tích, đánh giá các tài liệu có liên quan nhằm nắm rõ hơn bản chất của vấn đề nghiên cứu, trên cơ sở đó hình thành hệ thống lí thuyết của đề tài; 2) Phương pháp nghiên cứu so sánh nhằm đánh giá đúng thực trạng năng lực của giáo dục đại học tư thục Việt Nam làm cơ sở đề xuất kiến nghị; 3) Phương pháp phân tích và tổng kết kinh nghiệm giáo dục nhằm thu thập các kinh nghiệm thực tế có ý nghĩa quan trọng đối với vấn đề nghiên cứu; 4) Phương pháp thống kê toán học.

2.2. Khái niệm

Đến nay, có rất nhiều khái niệm khác nhau về giáo dục đại học và giáo dục đại học ngoài công lập. Trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng các khái niệm của UNESCO: “Giáo dục đại học bao gồm tất cả các loại hình giáo dục (học thuật, chuyên nghiệp, kĩ thuật, nghệ thuật, sư phạm, đào tạo từ xa,...) được cung cấp bởi các trường đại học, viện công nghệ, cao đẳng sư phạm,... thường dành cho học sinh đã hoàn thành giáo dục trung học và mục tiêu giáo dục của họ là đạt được danh hiệu, điểm số, chứng chỉ hoặc bằng tốt nghiệp của giáo dục đại học” [1]. Các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập là những thực thể độc lập thuộc sở hữu của các thực thể/chủ thể phi nhà nước, chẳng hạn như một công ti, doanh nghiệp kinh doanh, tổ chức hoặc cá nhân [2].

Việc xác định các trình độ của giáo dục đại học tùy thuộc vào mỗi quốc gia, không chỉ bao gồm trình độ đại học, sau đại học mà có thể còn có các trình độ sau

trung học. Tuy nhiên, trọng tâm của giáo dục đại học là trình độ đại học và sau đại học. Ở Việt Nam, trình độ của giáo dục đại học bao gồm trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ. Theo đó, các cơ sở giáo dục đại học là cơ sở giáo dục thực hiện chức năng đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; cơ sở giáo dục đại học tư thục do nhà đầu tư (tổ chức hoặc cá nhân) trong nước hoặc nước ngoài đầu tư, đảm bảo điều kiện hoạt động [3]. Mục tiêu chung của phát triển giáo dục đại học ngoài công lập trên thế giới cũng như ở Việt Nam là nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và nhu cầu học tập của người dân, chia sẻ gánh nặng cho ngân sách nhà nước, tạo động lực cạnh tranh phát triển trong hệ thống giáo dục đại học...

2.3. Thực trạng phát triển giáo dục đại học ngoài công lập toàn cầu

2.3.1. Quy mô phát triển giáo dục đại học ngoài công lập toàn cầu

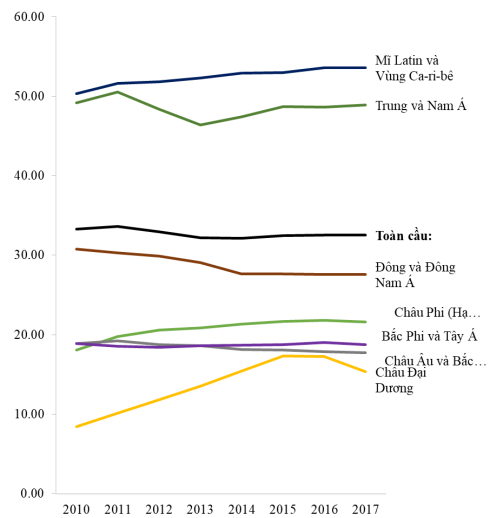
Theo PROPHE, năm 2010, trên thế giới có 56.722.374 sinh viên ngoài công lập trong tổng số 172.546.175 sinh viên, chiếm 32,90% [4]; theo Báo cáo của UNESCO, sinh viên ngoài công lập toàn cầu chiếm 33.31% vào năm 2010 và 32.51% vào năm 2017 (xem Bảng 1) [2].

Như vậy, sau gần một thập kỉ, tỉ trọng sinh viên ngoài công lập toàn cầu cơ bản ổn định. Tuy nhiên, có mức tăng lên và giảm xuống giữa các khu vực và giữa các quốc gia (xem Hình 1 và Hình 2) [2].

Việc mở rộng quy mô sinh viên ngoài công lập ở các quốc gia có nhiều lí do khác nhau: Từ sự gia tăng của các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập hấp thụ theo nhu cầu (demand-absorbing institutions), là một xu hướng đã và đang phát triển nhanh chóng, nổi lên để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng và trong bối cảnh ngân sách công eo hẹp như ở Châu Mỹ Latin; Từ các chính sách thúc đẩy sự tham gia của các tổ chức ngoài nhà nước vào giáo dục đại học trở nên phổ biến ở nhiều

quốc gia có thu nhập thấp và trung bình; Từ nỗ lực nâng cao uy tín của hệ thống giáo dục đại học thông qua các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập (Ví dụ: Chính phủ Ấn Độ đã đưa ra kế hoạch chọn 20 cơ sở giáo dục đại học trở thành đẳng cấp thế giới, một nửa trong số đó là ngoài công lập; Chính phủ Nhật Bản với Dự án Đại học toàn cầu nhằm nâng cao vị thế toàn cầu của các trường được lựa chọn trong số 37 cơ sở được chọn có 14 cơ sở ngoài công lập;...).

Việc giảm quy mô sinh viên ngoài công lập ở một số quốc gia là do chính sách tập trung vào việc mở rộng cung cấp giáo dục đại học công lập (Ví dụ, ở Colombia và Philippines, việc mở rộng cung cấp dịch vụ công thông qua việc thành lập các cơ sở giáo dục đại học công lập mới đã dẫn đến việc giảm tỉ lệ sinh viên theo học các chương trình giáo dục đại học ngoài công lập); do các cơ sở giáo dục đại học công lập đưa ra mức phí

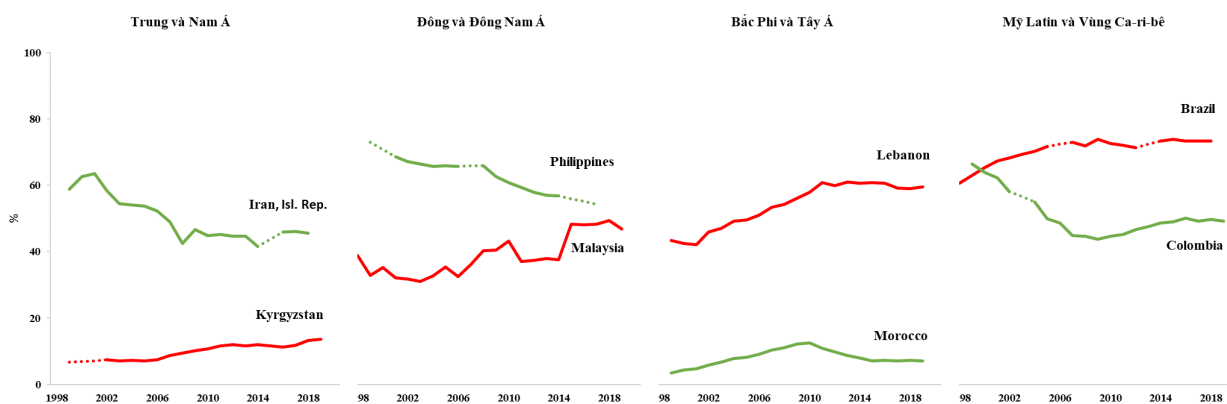


(Nguồn: GEM StatLink: https://bit.ly/GEM2021_fig7_1a. Source: Buckner (2021), based on data from UIS and PROPHE)

Hình 1: Tỉ lệ sinh viên ngoài công lập toàn cầu giai đoạn 2010 - 2017

Bảng 1: Tỉ lệ sinh viên ngoài công lập toàn cầu giai đoạn 2010 - 2017 [2]

Khu vực	Năm							
	2010 (%)	2011 (%)	2012 (%)	2013 (%)	2014 (%)	2015 (%)	2016 (%)	2017 (%)
Châu Phi (Hạ Sahara)	18.09	19.75	20.60	20.84	21.34	21.67	21.84	21.61
Trung và Nam Á	49.17	50.56	48.39	46.40	47.44	48.72	48.63	48.88
Đông và Đông Nam Á	30.77	30.28	29.87	29.07	27.67	27.68	27.60	27.59
Mĩ Latin và vùng Ca-ri-bê	50.35	51.64	51.82	52.32	52.93	52.99	53.58	53.57
Châu Âu và Bắc Mỹ	18.87	19.22	18.73	18.60	18.14	18.07	17.91	17.75
Châu Đại Dương	8.42	10.13	11.83	13.55	15.43	17.33	17.23	15.39
Bắc Phi và Tây Á	18.91	18.53	18.44	18.63	18.66	18.73	19.06	18.74
Toàn cầu:	33.31	33.60	32.95	32.23	32.12	32.50	32.53	32.51



(Nguồn: GEM StatLink: http://bit.ly/GEM_2021_fig7_1b. Source: UIS database)

Hình 2: Sự thay đổi tỉ lệ sinh viên ngoài công lập ở một số quốc gia giai đoạn 1998 - 2018

thấp hơn và chất lượng hợp lí hoặc vượt trội; Chính phủ tăng chi tiêu công cho mỗi sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học công lập; chất lượng của nhiều cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập không đáp ứng yêu cầu...

2.3.2. Một số nhận định về thực trạng phát triển giáo dục đại học ngoài công lập toàn cầu

Mỗi quốc gia có chính sách phát triển giáo dục đại học ngoài công lập khác nhau nên tính đa dạng là đặc trưng chung của giáo dục đại học ngoài công lập toàn cầu. Tuy nhiên, phát triển giáo dục đại học ngoài công lập nhằm phục vụ các mục tiêu phát triển quốc gia, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân, giảm gánh nặng về nguồn lực phát triển giáo dục đại học cho nhà nước, tạo sự cạnh tranh phát triển trong hệ thống giáo dục đại học như là điểm chung trong sự phát triển của giáo dục đại học ngoài công lập toàn cầu. Do đó, có những vấn đề chung tích cực và chưa tích cực trong sự phát triển giáo dục đại học ngoài công lập đã được rút ra, bao gồm [2]:

a. *Giáo dục đại học ngoài công lập tạo cơ hội hoặc cản trở tiếp cận giáo dục đại học đối với những người yếu thế*

Giáo dục đại học ngoài công lập tạo cơ hội học tập cho các nhóm bị phân biệt đối xử hoặc bị loại khỏi giáo dục đại học vì lí do giới tính, chủng tộc, nghèo đói, di cư: Ở Kenya, sự mở rộng nhanh chóng của giáo dục đại học ngoài công lập kể từ những năm 1990 có liên quan đến việc tăng cơ hội đối với sự tham gia của phụ nữ, một phần do nhận thức rằng, các tổ chức như vậy an toàn hơn và cung cấp nhiều kỉ luật hơn, một phần tập trung vào các ngành khoa học xã hội và nhân văn vốn được nhiều sinh viên nữ yêu thích; Ở Saudi Arabia, các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập đã giúp mở rộng cơ hội tiếp cận cho phụ nữ bằng cách cung cấp các khóa học dành riêng cho nữ giới vốn không có trong hệ thống công; Ở Nam Phi, một doanh nhân xã hội thành lập CIDA Citi Campus, một trường đại học chi phí thấp

nhằm mục tiêu sinh viên da đen nghèo, trong khi Tsiba Education, một tổ chức phi lợi nhuận được tài trợ bởi các nhà tài trợ doanh nghiệp, cung cấp các chương trình kinh doanh cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn về tài chính và giáo dục; Ở Brazil, 68% sinh viên tại các trường đại học ngoài công lập tham gia các lớp học buổi tối - điều này cho phép họ đi làm vào ban ngày - so với 36% tại các đại học công lập.

Tuy nhiên, ở một số nước, các nhà cung cấp giáo dục đại học ngoài công lập có thể cản trở việc tiếp cận giáo dục đại học của nhóm người yếu thế vì họ có xu hướng chọn những người có khả năng chi trả hơn. Theo đó, các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập có xu hướng tập trung vào các trung tâm đô thị, có thể thấy ở nhiều quốc gia của Châu Phi cận Sahara, Châu Mỹ Latin, Nam và Đông Nam Á, Tây Âu. Tại Colombia, tỉ lệ sinh viên theo học tại các cơ sở ngoài công lập ở thành thị cao hơn 17 điểm phần trăm so với khu vực nông thôn vào năm 2018. Ở Senegal, 2/3 các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập đóng ở Dakar. Ở Mỹ Latin, sinh viên từ các hộ gia đình giàu nhất chiếm tỉ lệ nhập học ở các cơ sở ngoài công lập cao hơn đáng kể so với các trường công lập; tương tự là ở Trung Quốc, Ấn Độ và Việt Nam.

b. *Chất lượng hoặc sự đổi mới của giáo dục đại học ngoài công lập giảm đi trong các trường hợp sau*

Việc tối ưu hóa lợi nhuận của các cơ sở giáo dục đại học theo định hướng lợi nhuận

Các loại hình nhà cung cấp giáo dục đại học ngoài công lập khác nhau có các mức khuyến khích tối đa hóa lợi nhuận khác nhau trong đó các cơ sở giáo dục đại học thuộc các công ty thuộc sở hữu cổ phần tư nhân có động lực mạnh mẽ hơn để tối đa hóa lợi nhuận vì trách nhiệm thanh toán của họ đối với cổ đông và nhà đầu tư. Tại Hoa Kỳ, nơi lĩnh vực này được trợ cấp cao (khoảng 90% doanh thu của các cơ sở vì lợi nhuận đến từ các khoản trợ cấp liên bang và các khoản vay được liên bang bảo lãnh), kết quả của sinh viên sẽ xấu đi khi động cơ tối đa

hóa lợi nhuận tăng lên. Ví dụ, việc mua lại một cơ sở giáo dục đại học vì lợi nhuận của một công ty cổ phần tư nhân đã dẫn đến việc giảm tỉ lệ tốt nghiệp, trả nợ vay và thu nhập từ thị trường lao động do một số cơ chế, bao gồm giảm đầu vào giáo dục như số giảng viên trên mỗi sinh viên và phần chi tiêu dành cho việc giảng dạy.

Đổi mới quản trị cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập theo mô hình doanh nghiệp

Cải cách quản trị ở một số quốc gia phản ánh một sự thay đổi hướng tới các quy trình giống doanh nghiệp hơn và một phong cách quản lý vay mượn từ khu vực tư nhân, bao gồm cả trong thành phần hội đồng quản trị của các cơ sở giáo dục. Từ năm 1992, Vương quốc Anh đã cải tổ thành phần của hội đồng quản trị giáo dục đại học bằng cách yêu cầu đa số thành viên phải độc lập, với “Năng lực được chứng minh trong các vấn đề công nghiệp, thương mại hoặc việc làm của một nghề nhất định”. Hiệp hội Giáo viên đại học Canada đã bày tỏ lo ngại về sự thay đổi theo hướng quản lý giống như công ty của các trường đại học thông qua sự hiện diện ngày càng tăng của các thành viên hội đồng quản trị từ khu vực doanh nghiệp vì lợi nhuận. Tại Ethiopia, Đại học Addis Ababa đã giới thiệu cách tiếp cận “Tái thiết kế quy trình kinh doanh” để quản lý trong nỗ lực tối ưu hóa hiệu quả và cải tiến quy trình làm việc.

Các nhà cung cấp giáo dục đại học ngoài công lập có xu hướng phụ thuộc nhiều hơn vào các đội ngũ giảng viên từ các cơ sở giáo dục đại học công lập, tập trung vào đội ngũ làm việc bán thời gian, điều này đe dọa chất lượng giảng dạy. Ở Senegal, chỉ dưới 20% giảng viên tại các cơ sở ngoài công lập có hợp đồng dài hạn toàn thời gian. Ở Hoa Kỳ, trung bình các cơ sở ngoài công lập có tỉ lệ giảng viên bán thời gian cao hơn và tỉ lệ này càng tăng khi càng có nhiều cơ sở dựa vào phí. Việc phụ thuộc vào đội ngũ bán thời gian có thể phản ánh mối liên kết chặt chẽ hơn giữa các cơ sở ngoài công lập với thị trường lao động, vào việc học thực hành có thể khiến họ thuê các chuyên gia làm giảng viên, nghĩa là nhân mạnh vào các chương trình đào tạo nghề nghiệp, không đào tạo theo định hướng nghiên cứu; nó cũng có thể là một chiến lược tiết kiệm chi phí và đảm bảo tính pháp lý. Ở Brazil, nghiên cứu học thuật hầu như được thực hiện hoàn toàn tại các cơ sở công lập, chiếm khoảng 1/4 số lượng sinh viên; từ năm 2013 đến năm 2018, 15 cơ sở giáo dục đại học có kết quả nghiên cứu lớn nhất là công lập - chiếm hơn 60% các bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế. Ở Malaysia, tỉ lệ giảng viên làm thêm tại các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập dao động từ 20% đến hơn 80% trong các cơ sở nhỏ hơn và mới hơn, tương tự như ở Nigeria. Ở Ba Lan, việc sử dụng giảng viên của các cơ sở công lập đã giúp khu vực ngoài công lập mở rộng nhanh chóng trong những năm 1990 và ước tính rằng nếu các giảng viên chỉ có thể giữ

một vị trí toàn thời gian thì các tổ chức ngoài công lập sẽ mất ít nhất một nửa số giảng viên của họ.

Các cơ chế đảm bảo chất lượng mới xuất hiện và có xu hướng tập trung nhiều vào việc thiết lập và vận hành hơn là chất lượng và kết quả. Bangladesh không có khung kiểm định chất lượng cho đến năm 2017. Hầu hết trong số 32 cơ sở tư thục của Peru chưa được công nhận vào giữa năm 2019. Ở một số quốc gia, sự tăng trưởng bùng nổ trong cung cấp giáo dục đại học ngoài công lập đã đặt ra một thách thức về quy định khi thiếu nguồn lực để kiểm định và giám sát các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập.

Tại Indonesia, khoảng 90% trong số 4.500 cơ sở giáo dục đại học là ngoài công lập, thu hút 59% sinh viên vào năm 2018. Một hội đồng kiểm định quốc gia được thành lập vào giữa những năm 1990 để chỉ công nhận các tổ chức ngoài công lập, kể từ đó đã đảm nhận trách nhiệm cho tất cả các chương trình. Năm 2009, có 3000 chương trình học được đánh giá. Đến năm 2013, chỉ có khoảng 20% quyết định công nhận. Một số cơ sở giáo dục đại học hoạt động mà chưa được kiểm định, tương tự là không có chương trình được kiểm định. Vào cuối năm 2018, trong một nỗ lực nhằm kiểm soát các vấn đề chất lượng ngày càng tăng trong khu vực ngoài công lập, Chính phủ Indonesia đã thông báo rằng, họ sẽ thu hồi giấy phép của khoảng 1000 cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập.

Sự gia tăng nhanh chóng các cơ sở ngoài công lập không được công nhận đã đặt ra những thách thức tương tự ở Libya, dẫn đến Chính phủ đóng cửa 20 trường đại học và cao đẳng ngoài công lập không đạt tiêu chuẩn chất lượng vào năm 2021. Thiếu nguồn lực hoặc không đủ năng lực của các cơ quan quản lý có thể là một thách thức. Ở Congo và Mexico, một số cơ sở giáo dục đại học hoạt động trong khi chờ công nhận hoặc với các mức độ công nhận tạm thời khác nhau. Ở Peru, trong số 32 cơ sở ngoài công lập có sinh viên tương đối khá giả theo học, hầu hết hoạt động vì lợi nhuận và chưa được kiểm định vào giữa năm 2019. Ở Ấn Độ và Mexico, việc kiểm định chất lượng của Chính phủ đối với các tổ chức ngoài công lập là tự nguyện. Tại Guatemala, các trường đại học công lập chính phủ trách cấp giấy phép và giám sát các cơ sở ngoài công lập, đặt ra các câu hỏi về xung đột lợi ích.

Sự tập trung của các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập vào việc đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động có thể làm giảm động lực đổi mới.

Nhu cầu về các chương trình chuyên biệt và định hướng chuyên nghiệp định hình sự phát triển giáo dục đại học ở nhiều quốc gia. Các cơ sở giáo dục đại học nhỏ hơn với ít vốn chi chọn cung cấp các lĩnh vực đào tạo yêu cầu ít đầu tư trả trước vào cơ sở hạ tầng và ít bị quản lý bởi chính phủ và các hiệp hội nghề nghiệp. Ở

Indonesia, 2/3 tổng số tuyển sinh vào các cơ sở ngoài công lập là giáo dục, khoa học xã hội hoặc kinh doanh. Ở Đức, hầu hết các trường ngoài công lập cấp bằng quản trị kinh doanh và truyền thông. Mặc dù các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập có sự kết hợp chặt chẽ với thị trường lao động nhưng việc chỉ tập trung vào cung cấp các kỹ năng cho sinh viên sẽ làm mờ bản chất của giáo dục đại học.

c. Xu hướng tăng học phí trong giáo dục đại học ngoài công lập do các chương trình cho vay

Hơn 70 quốc gia điều hành các chương trình cho vay sinh viên, hầu hết trong số đó được chính phủ trợ cấp. Các khoản vay thường dành cho sinh viên của cả hai loại hình tổ chức, mặc dù giới hạn khoản vay có thể ngăn cản việc ghi danh vào các cơ sở đắt tiền hơn. Tại Việt Nam, sinh viên có thu nhập thấp từ các cơ sở công lập và ngoài công lập có thể tiếp cận các khoản vay công, mặc dù số tiền tối đa tương đối thấp, bao gồm khoảng 84% chi phí giáo dục trong các cơ sở công lập và 52% trong các cơ sở ngoài công lập. Tuy nhiên, sự sẵn có ngày càng tăng của các khoản vay dành cho sinh viên có thể dẫn đến việc tăng phí như ở Brazil và Mỹ.

d. Các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập chủ yếu dựa vào học phí để gặp rủi ro trong các điều kiện dịch bệnh, thiên tai

Các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập ở một số quốc gia, bao gồm Colombia và Mexico, hoàn toàn dựa vào các hộ gia đình. Trong một cuộc khảo sát ở 109 quốc gia, các tổ chức ngoài công lập đã mô tả việc phụ thuộc vào nguồn phí từ hộ gia đình là một rủi ro tài chính trong cuộc khủng hoảng COVID-19. Ở Ethiopia, nơi gần như tất cả các cơ sở ngoài công lập chỉ dựa vào học phí, COVID-19 đã gây ra một cú sốc tài chính nghiêm trọng; bị áp lực bởi sinh viên, các cơ sở ngoài công lập đã đồng ý giảm 25% học phí và nhiều cơ sở cắt lương nhân viên hơn 50%. Ở Ghana, khoảng 50% sinh viên của các trường ngoài công lập rời khỏi khuôn viên trường với các khoản phí chưa thanh toán. Ở Uganda, các trường đại học ngoài công lập báo cáo khó khăn trong việc thanh toán hóa đơn và lương giảng viên.

e. Xu hướng vận động hành lang từ các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập

Các cơ sở ngoài công lập vận động hành lang cho hoạt động và mở rộng của chính họ ngày càng mạnh mẽ. Hiệp hội các nhà cung cấp giáo dục đại học ngoài công lập của Brazil đang gây áp lực buộc Chính phủ phải thay đổi quy trình kiểm định để họ có thể được công nhận bởi một cơ quan ngoài nhà nước. Mục tiêu chiến lược của Liên đoàn quốc tế các trường đại học Công giáo với hơn 200 thành viên tham gia tích cực với các tổ chức quốc tế như OECD, UNESCO và WEF để tăng cường sự ủng hộ công đối với các trường đại học Công giáo. Lĩnh vực vì lợi nhuận đã chứng kiến sự xuất

hiện của các tập đoàn giáo dục đại học được giao dịch công khai mạnh mẽ với quyền lực vận động hành lang mạnh mẽ.

Ở Hoa Kỳ, nơi ghi danh vì lợi nhuận chiếm khoảng 5% tổng số sinh viên bậc Giáo dục đại học. Hầu hết các nhà tài trợ hàng đầu vận động hành lang đại diện cho giáo dục vì lợi nhuận là chủ sở hữu của các tổ chức đại học vì lợi nhuận: Các chính trị gia đã nhận được những khoản tài trợ hào phóng từ các công ty giáo dục đại học vì lợi nhuận. Từ năm 2010, thị trường vì lợi nhuận bị thu hẹp đã thúc đẩy nhiều công ty thành lập các cơ sở giáo dục đại học ở các nước đang phát triển.

Một điểm đến quan trọng cho các công ty như vậy đã từng là Brazil, nơi khu vực vì lợi nhuận chiếm hơn một nửa số tuyển sinh giáo dục đại học; 10 công ty giáo dục đại học lớn nhất ở Brazil có doanh thu ước tính hơn 3,3 tỉ đô la Mỹ. Trường lớn nhất là Kroton, ghi danh hơn 800.000 sinh viên. Các công ty giáo dục đại học được cho là có ảnh hưởng đáng kể đối với các chính trị gia làm dấy lên lo ngại về việc ban hành các quy định có lợi cho các cơ sở giáo dục đại học vì lợi nhuận

f. Sự đa dạng trong nguồn thu của giáo dục đại học ngoài công lập

Các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập tìm cách đa dạng hóa các nguồn và loại hình doanh thu ngoài học phí từ các hộ gia đình, từ huy động vốn thông qua các khoản vay, trái phiếu,... Các tập đoàn đa quốc gia là chủ nợ quan trọng trên thị trường giáo dục đại học, đặc biệt là ở các nước có thu nhập thấp và trung bình. Tổ chức Tài chính Quốc tế cung cấp các khoản vay đặc biệt cho các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập, đến năm 2017 đã tài trợ gần 1,4 tỉ đô la Mỹ cho các dự án giáo dục kỹ thuật, dạy nghề giáo dục đại học. Cho đến nay, khu vực tiếp nhận hàng đầu là Mỹ Latin và Caribe (48%), tiếp theo là Đông Á và Thái Bình Dương (13%), Châu Âu và Trung Á (12%).

Bên cạnh các khoản vay, trái phiếu ngày càng là một nguồn tài trợ thay thế cho các cơ sở giáo dục đại học: Thị trường trái phiếu đạt con số kỉ lục trong cuộc khủng hoảng COVID-19. Đến giữa năm 2020, phát hành trái phiếu của các trường đại học trên toàn thế giới đã đạt 11,4 tỉ đô la Mỹ, cao hơn gấp đôi so với năm 2019. Những tổ chức chính trên thị trường trái phiếu là ở Úc, Brazil, Canada, Singapore và Hoa Kỳ.

Các quỹ từ thiện là một nguồn tài trợ trực tiếp khác cho các cơ sở giáo dục đại học. Dựa trên một cuộc khảo sát hàng năm của Hội đồng Tiến bộ và Hỗ trợ Giáo dục, tại Hoa Kỳ, các tổ chức đã trao 16,4 tỉ đô la Mỹ cho các cơ sở giáo dục đại học vào năm 2020 và các cựu sinh viên đã đóng góp 11 tỉ đô la Mỹ, cùng chiếm 56% tổng số huy động được của các cơ sở giáo dục đại học nói chung. Một cuộc khảo sát của OECD với 143 tổ chức đang hoạt động ở các nước đang phát triển cho thấy các

nhà từ thiện đã quyên góp khoảng 549 triệu đô la Mỹ từ năm 2013 đến năm 2015 cho giáo dục đại học dưới dạng học bổng hoặc tài trợ cho các trường đại học, cao đẳng và bách khoa.

Nhiều chính phủ đã tăng cường khuyến khích các mối quan hệ chặt chẽ hơn giữa khu vực công và tư. Ở Bangladesh, Chính phủ khuyến khích các trường đại học công lập và ngoài công lập cộng tác với giới công nghiệp thông qua hợp tác nghiên cứu, hợp đồng nghiên cứu và tư vấn. Tại Pháp, luật PACTE năm 2020 nhằm tạo điều kiện cho khu vực tư nhân tiếp cận nghiên cứu công, cho phép các nhà nghiên cứu đại học công lập dành 50% thời gian của họ để làm việc cho một công ty tư nhân và sở hữu tới 32% vốn của công ty.

2.4. Thực trạng phát triển giáo dục đại học ngoài công lập ở Việt Nam

Theo số liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo (tại <https://moet.gov.vn/thong-ke/Pages/thong-ke.aspx>), đến năm học 2019 - 2020, Việt Nam có 65 trường đại học tư thục (trong đó có 05 trường do Nhà đầu tư nước ngoài thành lập), chiếm 27.43% trong tổng số các cơ sở giáo dục đại học, quy mô đào tạo bậc Đại học là 313.479 sinh viên (chiếm tỉ lệ 18.74% trong tổng số sinh viên bậc đại học (xem Bảng 2). Năm 2021, có thêm một trường đại học tư thục được thành lập mới, quy mô tuyển sinh của các trường đại học tư thục tăng nhẹ so với năm 2020 [5].

Hệ thống các trường đại học tư thục chuyển biến tích cực về chất lượng: Đến ngày 31 tháng 01 năm 2022, có 37 trường trong tổng số 164 trường đại học được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo tiêu chuẩn trong nước, chiếm tỉ lệ 22.56% (<https://moet.gov.vn/Pages/home.aspx>); 06 trường đạt chứng nhận QS Stars Universiti Ratings; 02 trường có mặt trong Top 10 các trường đại học, viện nghiên cứu của Việt Nam dẫn đầu về số lượng các công bố quốc tế trong thời gian từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 đến ngày 31 tháng 7 năm 2019 (<https://www.nature.com/nature-index/>); 01 trường được xếp hạng trong cả bốn bảng xếp hạng đại học hàng đầu thế giới của THE, ARWU, QS và US News, góp phần thực hiện vượt mục tiêu năm 2025 của Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019 - 2025 [5].

Bảng 2: Số lượng cơ sở giáo dục đại học và sinh viên bậc Đại học của Việt Nam năm học 2012 - 2013 và 2019 - 2020 (không tính các trường thuộc khối An ninh - Quốc phòng)

Năm học	2012 - 2013				2019 - 2020			
	Tư thục	Công lập	Tổng	Tỉ lệ (%)	Tư thục	Công lập	Tổng	Tỉ lệ (%)
Số cơ sở giáo dục đại học	56	153	209	26.79	65	172	237	27.43
Số sinh viên bậc đại học	177.459	1.275.608	1.453.067	12.21	313.479	1.359.402	1.672.881	18.74

(Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo (<https://moet.gov.vn/thong-ke/Pages/thong-ke.aspx>))

Tuy nhiên, ở góc độ hội nhập quốc tế về giáo dục đại học thì quy mô đào tạo của hệ thống đại học tư thục Việt Nam còn thấp so với tỉ lệ bình quân quy mô sinh viên của đại học ngoài công lập toàn cầu (chiếm tỉ lệ 32,51%), Đông và Đông Nam Á (27.59%) thấp hơn nhiều so với tỉ lệ sinh viên đại học tư thục của các nước có nền giáo dục đại học phát triển trong khu vực Châu Á như: Malaysia (43,10%), Hàn Quốc (80,70%), Nhật Bản (78,60%), Hoa Kỳ (27,50%),... [4]. Năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế của hệ thống đại học tư thục Việt Nam chưa đáp ứng được yêu cầu hội nhập quốc tế của hệ thống giáo dục đại học quốc gia [3].

Nguyên nhân chính của hạn chế là do việc cụ thể hoá các nghị quyết của Đảng, văn bản luật của Quốc hội và các quyết định của Chính phủ về phát triển giáo dục đại học tư thục bởi các bộ ngành và địa phương còn chậm, thiếu đồng bộ. Mặt khác, chưa có cơ chế giám sát, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết, quyết định đã ban hành về phát triển giáo dục đại học tư thục; hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với các trường đại học tư thục còn chưa chặt chẽ. Một số trường đại học tư thục chưa thực sự đầu tư để nâng cao chất lượng nghiên cứu, đào tạo và phục vụ cộng đồng.

2.5. Bài học kinh nghiệm đối với giáo dục đại học tư thục Việt Nam

Từ thực tiễn phát triển giáo dục đại học ngoài công lập thế giới và trong nước, cần thực hiện một số biện pháp sau nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của giáo dục đại học tư thục Việt Nam.

a. Tăng quy mô của giáo dục đại học tư thục

Phát triển quy mô giáo dục đại học tư thục tiệm cận với khu vực và thế giới (sinh viên bậc đại học trong các cơ sở giáo dục đại học tư thục chiếm khoảng trên 30% trong tổng số sinh viên bậc đại học toàn hệ thống) theo đúng chủ trương của Đảng: “Tăng tỉ lệ trường ngoài công lập đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học” [6], “Phát triển hài hòa giữa giáo dục công lập và ngoài công lập” [7, tr.233]. Để thực hiện mục tiêu này, bên cạnh việc khuyến khích thành lập các cơ sở giáo dục đại học tư thục mới trong đó có các cơ sở không vì lợi nhuận và cơ sở do nước ngoài đầu tư,

Chính phủ cần đề xuất gói ngân sách lớn cho các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập vay ưu đãi để đầu tư mở rộng diện tích đất, phát triển đội ngũ và cơ sở vật chất cùng các điều kiện đảm bảo chất lượng khác để mở rộng quy mô đào tạo.

b. Ban hành và thực thi các chính sách hỗ trợ cụ thể đối với các cơ sở giáo dục đại học tư thực

Các trường đại học tư thực cần được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, ngoài các khoản vay cho sinh viên đã thực hiện, cần hỗ trợ thông qua giảm thuế, tài trợ nghiên cứu, học bổng, ... Ở một số quốc gia, các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập nhận được tối đa kinh phí công tối thiểu và ở hầu hết các quốc gia, các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập có ít nhất một số quyền truy cập vào quỹ công [2]: Ở Tây và Bắc Âu, các cơ sở giáo dục đại học do tư nhân kiểm soát thường nhận được ít nhất 50% kinh phí từ các nguồn công; Ở Phần Lan, Iceland và Vương quốc Anh, tất cả các cơ sở do tư nhân kiểm soát đều nhận được ít nhất 50% kinh phí từ khu vực công. Các chính phủ tài trợ trực tiếp cho các tổ chức ngoài công lập, thông qua giảm thuế và tài trợ nghiên cứu, hoặc gián tiếp, thông qua sinh viên, dưới hình thức học bổng và cho vay: Ở Úc, Chính phủ là nguồn ban đầu của 55% tổng chi tiêu cho các cơ sở giáo dục đại học, với gần một phần ba số này được chuyển đến các hộ gia đình dưới hình thức hỗ trợ tài chính; Ở Indonesia, Chính phủ trợ cấp một phần nhỏ của các nhân viên học thuật với tư cách là công chức và cho phép các tổ chức cạnh tranh đối với các quỹ công; Chính phủ Thái Lan có một quỹ dành riêng cho các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập để giúp họ cải thiện cơ sở vật chất và phát triển nguồn nhân lực. Mức độ tài trợ công cũng có thể phụ thuộc vào loại hình tổ chức: Chính phủ Bỉ trợ cấp cho các cơ sở giáo dục đại học thuộc nhà thờ, nơi ghi danh hơn một nửa trong tổng số sinh viên; Ở một số nước Mỹ Latin, bao gồm: Chile, Cộng hòa Dominica và Nicaragua, Nhà nước cung cấp cùng một mức tài trợ cho các trường đại học ngoài công lập lâu đời nhất so với các trường đại học công lập; Tại Nhật Bản và Hàn Quốc, các trường đại học ngoài công lập có uy tín nhận được sự tài trợ đáng kể của chính phủ.

Tuy nhiên, để nhận được sự hỗ trợ của Nhà nước, các trường đại học tư thực của Việt Nam phải có những cam kết trong việc thực hiện mục tiêu phát triển giáo dục đại học của đất nước, cam kết nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu, hỗ trợ người học và phục vụ cộng đồng. Chính phủ Bangladesh quy định các cơ sở ngoài công lập phải dành từ 2% đến 5% doanh thu cho học bổng hoặc trợ cấp; Ở Bolivia và Ecuador, các cơ sở giáo dục đại học ngoài công lập được luật pháp yêu cầu cung cấp học bổng cho 10% sinh viên; Ở Mexico, các trường đại học ngoài công lập phải cung cấp tài trợ hoặc học bổng cho ít nhất 5% sinh viên. Ở Anh, các tổ

chức phải cam kết dành một tỉ lệ cố định thu nhập phí cho học bổng và trợ cấp;... [2].

c. Tăng cường kiểm soát chất lượng của giáo dục đại học tư thực thông qua cơ chế kiểm định chất lượng

Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học được triển khai nhưng chưa chặt chẽ dẫn đến tình trạng một số cơ sở giáo dục đại học chậm được kiểm định nhưng vẫn tuyển sinh và hoạt động bình thường. Đặc biệt, tỉ lệ các chương trình đào tạo của các cơ sở trường đại học tư thực của Việt Nam được kiểm định còn rất thấp. Do đó, cần thiết phải tăng cường quản lý hoạt động đảm bảo và kiểm định chất lượng của các trường đại học tư thực.

d. Tăng cường giám sát việc tăng học phí của các trường đại học tư thực

Các trường đại học tư thực có quyền tự chủ trong việc tăng học phí. Tuy nhiên, học phí từ sinh viên có khoản vay từ ngân sách nhà nước và sự hỗ trợ của cộng đồng và mối quan hệ giữa học phí và chất lượng đào tạo và phục vụ của các trường đại học tư thực có mối quan hệ biện chứng với nhau. Do đó, cần có quy định bắt buộc các trường đại học tư thực giải trình công khai về cơ sở tăng học phí và các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục đại học cần phải giám sát chặt chẽ quá trình này.

e. Các cơ sở giáo dục đại học công lập cần tăng cường quản lý đội ngũ giảng viên trong việc kí hợp đồng giảng dạy và nghiên cứu với các trường đại học tư thực.

Việc cho phép giảng viên trong các cơ sở giáo dục đại học công lập được tham gia giảng dạy, nghiên cứu ở các cơ sở khác giúp giảng viên có thêm thu nhập, tạo cơ hội cộng tác và kết nối nhiều hơn nhưng việc làm thêm có thể dẫn đến khối lượng công việc quá tải cho các giảng viên và ảnh hưởng đến sức khỏe của họ, dẫn đến chất lượng giảng dạy và nghiên cứu bị ảnh hưởng cả ở các cơ sở công lập và tư thực. Do đó, hoạt động này cần được quản lý chặt chẽ. Việc quản lý sự tham gia giảng dạy của đội ngũ giảng viên của các cơ sở giáo dục đại học công lập ở các trường đại học tư thực không chỉ giúp đảm bảo hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học công lập mà còn tạo động lực để các trường đại học tư thực tập trung đầu tư phát triển đội ngũ giảng viên cơ hữu.

3. Kết luận

Quá trình phát triển giáo dục đại học ngoài công lập trên toàn cầu gắn liền với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ, văn hoá, giáo dục, ... của từng khu vực, quốc gia và vùng lãnh thổ, tạo ra thực tiễn sinh động trong phát triển giáo dục đại học toàn cầu. Do đó, những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn phát triển giáo dục đại học ngoài công lập toàn cầu luôn

có giá trị to lớn đối với phát triển giáo dục đại học tư thục Việt Nam. Trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi đã rút ra được năm bài học kinh nghiệm để phát triển giáo dục đại học tư thục Việt Nam với kì vọng loại hình

giáo dục đại học này sẽ có nhiều đóng góp hơn nữa cho sự phát triển và hội nhập của đất nước nói chung, của giáo dục đại học nói riêng.

Tài liệu tham khảo

- [1] UNESCO, (1998), *World Declaration on Higher Education for the Twenty-first Century: Vision and Action and Framework for Priority Action for Change and Development in Higher Education, adopted by the World Conference on Higher Education: Higher Education in the Twenty-first Century, Vision and Action*, <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000141952>.
- [2] UNESCO, (2021), *Global Education Monitoring Report 2021/2: Non-state actors in education: Who chooses? Who loses?*, Paris, pp.157-180, <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000379875>.
- [3] Quốc hội, (2018), *Luật Giáo dục Đại học*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [4] PROPHE, (2010), *Global Private and total Higher Education Enrollment by Region and Country*, <https://www.prophe.org/en/global-data/global-data/global-enrollment-by-region-and-country/>.
- [5] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2021), *Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học 2020 - 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2021 - 2022 của ngành Giáo dục*.
- [6] Ban Tuyên giáo Trung ương, (2014), *Tài liệu học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [7] Đảng Cộng sản Việt Nam, (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập I)*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [8] Tran Van Hung, (2019), *Increasing the global competitiveness of the Vietnamese higher education system*, Journal of Science, Vinh University, 48 (2B), pp. 30-38.

THE DEVELOPMENT OF GLOBAL NON-PUBLIC HIGHER EDUCATION: LESSONS LEARNED FOR VIETNAM

Tran Van Hung

Email: tranvanhung@duytan.edu.vn
Duy Tan University
254 Nguyen Van Linh, Da Nang city,
Vietnam

ABSTRACT: *The development of non-public higher education is an inevitable trend of educational development in the world. The student scales at global non-public universities account for about one-third of the total number of students and make important contributions to the development of global education. However, in the process of development, besides the strengths and positive factors, this tipe of higher education in each region and country all over the world revealed many shortcomings, limitations and some negative development trends. This article uses the final evaluation results of UNESCO in 2021 on global non-public higher education, studies the development status of private higher education in Vietnam to draw 05 experienced lessons for the development of private higher education in Vietnam.*

KEYWORDS: Non-public higher education, private higher education.